

Tăng tỷ trọng

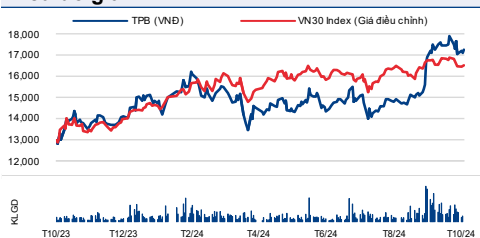
Giá mục tiêu: VNĐ17,000

Tiềm năng tăng/giảm: -1.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/10/2024)	17,250
Mã Bloomberg	TPB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	12,811-17,900
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	17,183
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	45,581
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,799
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,642
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	661
Slg CP NN được mua (tr.đv)	16.9
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	29.2%
Tỷ lệ freefloat	54.3%
Cổ đông lớn	Tập đoàn Doji (6.97%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
Tổng tài sản (ntđ)	356,637	400,352	454,637
Dư nợ cho vay (ntđ)	205,355	238,198	276,295
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	16,234	18,446	21,839
Lợi nhuận thuần (ntđ)	4,463	5,904	7,426
BVPS (đồng)	12,393	14,213	16,358
EPS (đồng)	1,689	2,235	2,811
DPS (đồng)	2,083	417	667
T.trưởng cho vay KH (%)	27.4	16.0	16.0
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	3.95	13.6	18.4
Tăng trưởng EPS (%)	(28.7)	32.3	25.8
Tăng trưởng DPS (%)	-	(80.0)	60.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	123	18.6	23.7
ROAE (%)	13.7	16.8	18.4
ROAA (%)	1.30	1.56	1.74
Tỷ lệ NIM (%)	4.06	4.14	4.26
Tỷ lệ CIR (%)	41.3	40.9	39.5
Hệ số CAR (%)	12.7	12.0	11.3
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.05	2.00	1.80
LLR/nợ xấu (%)	63.7	87.1	93.2
Hệ số LDR (%)	98.6	96.9	94.5
P/B (lần)	1.39	1.21	1.05
P/E (lần)	10.2	7.72	6.14
Lợi suất cổ tức (%)	12.1	2.42	3.86

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Được thành lập vào năm 2008, TPB được thừa hưởng thế mạnh một cơ cấu cổ đông đặc biệt, bao gồm nhiều tập đoàn, công ty hàng đầu tại Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Lê Khánh Tùng

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.lkhanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4844

Phạm Liên Hà, CFA

Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Q3/2024: Không hấp dẫn nhưng sát với dự báo

- TPB đã công bố KQKD Q3/2024 với LNTT đạt 1.731 tỷ đồng (tăng 10%) nhờ thu nhập lãi thuần tăng 7% và chi phí dự phòng giảm 35%. LNTT 9 tháng đầu năm 2024 của TPB tăng 10%, bằng 74% dự báo cả năm và sát với dự báo 9 tháng của chúng tôi.
- Dư nợ tín dụng tăng mạnh 13,5% kể từ đầu năm trong khi tỷ lệ NIM giảm nhẹ so với quý trước xuống 3,95%. Trong khi đó, tỷ lệ nợ xấu tăng nhẹ lên 2,29% và tỷ lệ nợ nhóm 2 giảm xuống 2,22%.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 15% trong 3 tháng qua, TPB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,21 lần, sát bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,24 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD vào ngày 30/10/2024

TPB đã công bố KQKD Q3/2024 với LNTT đạt 1.731 tỷ đồng (tăng 10% so với cùng kỳ nhưng giảm 9% so với quý trước) nhờ thu nhập lãi thuần tăng 7% so với cùng kỳ và chi phí dự phòng giảm 35% so với cùng kỳ. LNTT 9 tháng đầu năm 2024 của TPB đạt 5.464 tỷ đồng (tăng 10% so với cùng kỳ), bằng 74% dự báo cả năm và sát với dự báo 9 tháng của chúng tôi.

Tín dụng tăng trưởng mạnh trong quý

Tín dụng Q3/2024 tăng trưởng 13,5% kể từ đầu năm (tăng 9,7% so với quý trước) đạt 247 nghìn tỷ đồng, nhờ tổng dư nợ cho vay tăng 14,4% kể từ đầu năm (tăng 10,4% so với quý trước) lên 235 nghìn tỷ đồng trong khi TPDN gần như đi ngang ở mức 12 nghìn tỷ đồng. Đối với cơ cấu cho vay theo khách hàng, tín dụng phân khúc khách hàng doanh nghiệp tăng 24% kể từ đầu năm đạt 119 nghìn tỷ đồng trong khi tín dụng phân khúc khách hàng cá nhân chỉ tăng 7% kể từ đầu năm đạt 115 nghìn tỷ đồng.

Đối với huy động, tiền gửi khách hàng tăng 8% kể từ đầu năm đạt 225 nghìn tỷ đồng trong khi cho vay LNH giảm 4% kể từ đầu năm xuống 81 nghìn tỷ đồng được bù đắp tăng trưởng mạnh của giấy tờ có giá (tăng 50% kể từ đầu năm đạt 36 nghìn tỷ đồng). Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn giảm xuống 19,3% từ 22,2% tại thời điểm cuối Q2/2024, vẫn là cơ sở vững chắc.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 31/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2024, TPB

Tỷ đồng	Q3/23	Q3/24	% sv cùng kỳ	9T2023	9T2024	% sv cùng kỳ	% 2024F của HSC
Thu nhập lãi thuần	2,963	3,173	7%	8,429	9,837	17%	69%
Thu nhập ngoài lãi	1,251	822	-34%	3,362	3,079	-8%	74%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	666	795	19%	2,165	2,455	13%	88%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	123	(47)	-138%	437	37	-92%	5%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	552	(61)	-111%	824	371	-55%	74%
Thu nhập thuần khác	(89)	135	-252%	(64)	217	-441%	217%
Thu nhập từ góp vốn/ mua cổ phần	-	-		-	0		
Tổng thu nhập HĐ	4,214	3,995	-5%	11,790	12,916	10%	70%
Chi phí HĐ	(1,346)	(1,425)	6%	(4,855)	(4,484)	-8%	59%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	2,869	2,569	-10%	6,935	8,432	22%	77%
Chi phí dự phòng	(1,293)	(838)	-35%	(1,976)	(2,968)	50%	84%
LNTT	1,576	1,731	10%	4,959	5,464	10%	74%
Lợi nhuận thuần	1,263	1,384	10%	3,969	4,369	10%	74%

Nguồn: TPB, HSC

Tỷ lệ NIM giảm xuống do tín dụng tăng trưởng rất nhanh

Tỷ lệ NIM Q3/2024 giảm 16 điểm cơ bản so với quý trước (tăng 24 điểm cơ bản so với cùng kỳ) xuống 3,95%, do lợi suất gộp giảm 20 điểm cơ bản so với quý trước (giảm 149 điểm cơ bản so với cùng kỳ) xuống 7,67% nhưng chi phí huy động chỉ giảm 3% so với quý trước (giảm 168 điểm cơ bản so với cùng kỳ) xuống 3,81%.

Tỷ lệ NIM sụt giảm chủ yếu do dư nợ tín dụng Q3 tăng mạnh, tăng trưởng tín dụng bổ sung không đem lại nhiều thu nhập lãi. Trên thực tế, thu nhập lãi thuần Q3/2024 của TPB chỉ tăng 7% so với cùng kỳ (và giảm 2% so với quý trước) đạt 3.173 tỷ đồng. Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, thu nhập lãi thuần tăng 17% so với cùng kỳ đạt 9.837 tỷ đồng, bằng 69% dự báo cả năm và thấp hơn một chút so với dự báo 9 tháng của chúng tôi.

Thu nhập ngoài lãi sụt giảm do lỗ HĐ kinh doanh ngoại hối và mua bán trái phiếu trong khi lãi thuần HĐ dịch vụ vững chắc

Thu nhập ngoài lãi Q3/2024 giảm 34% so với cùng kỳ đạt 822 tỷ đồng do lỗ thuần HĐ kinh doanh ngoại hối 47 tỷ đồng và lỗ mua bán trái phiếu 61 tỷ đồng do lợi suất TPCP tăng lên trong 9 tháng đầu năm 2024 (lợi suất TPCP kỳ hạn 10 năm tăng lên khoảng 2,7-2,8% từ mức nền thấp 2,3% vào đầu năm nay).

Về mặt tích cực, lãi thuần HĐ dịch vụ hồi phục 19% so với cùng kỳ đạt 795 tỷ đồng nhờ phí dịch vụ thanh toán tăng mạnh 33% so với cùng kỳ trong khi hoa hồng bancassurance đi ngang so với cùng kỳ.

Chi phí hoạt động tăng nhẹ nhờ kiểm soát tốt chi phí tiền lương

Tổng chi phí hoạt động Q3/2024 tăng 6% so với cùng kỳ lên 1.425 tỷ đồng, chủ yếu do cả chi phí tiền lương và chi phí quản lý chỉ tăng nhẹ (tổng cộng 8%) lên lần lượt 764 tỷ đồng và 300 tỷ đồng. Số lượng nhân viên vẫn giữ nguyên là 7.448 nhân viên, mức thấp nhất kể từ cuối năm 2021.

Hệ số CIR hàng quý tăng lên 35,7% từ 32,6% trong Q2/2024.

Chất lượng tài sản cho thấy bức tranh trái chiều

Tỷ lệ nợ xấu của TPB tăng lên 2,29% từ 2,06% tại thời điểm cuối Q2/2024 nhưng vẫn thấp hơn mức 2,97% tại thời điểm cuối Q3/2023. Trong khi đó, tỷ lệ nợ nhóm 2 giảm xuống 2,22% từ 2,61% tại thời điểm cuối Q2/2024. Hệ số LLR giảm xuống 59% từ 66% trong Q2/2024.

Nợ xấu mới hình thành Q3/2024 là 1.551 tỷ đồng, bằng 0,66% tổng dư nợ cho vay, tăng từ 0,35% trong Q2/2024 nhưng thấp hơn đáng kể so với mức 1,44% trong Q3/2023.

Chi phí dự phòng giảm 35% so với cùng kỳ xuống 848 tỷ đồng trong Q3/2024, tương đương chi phí tín dụng là 1,62% (giảm từ 1,94% trong Q2/2024) – chúng tôi đánh giá đây vẫn là mức cơ sở vững chắc. Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, chi phí dự phòng tăng 50% so với cùng kỳ lên 2.968 tỷ đồng, bằng 84% dự báo cả năm 2024 của chúng tôi. TPB đã chủ động trích lập dự phòng để hạn chế nợ xấu mới hình thành trong quý.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu tăng 15% trong 3 tháng qua, TPB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,21 lần, sát bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,24 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Nhìn chung, tăng trưởng lợi nhuận 9 tháng đầu năm 2024 và chất lượng tài sản của TPB là tương đối tích cực, từ đó củng cố niềm tin Ngân hàng sẽ hoàn thành dự báo cả năm của chúng tôi (7.380 tỷ đồng, tăng trưởng 32%).

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Thu nhập lãi	21,811	28,559	29,474	33,614	38,430
Chi phí lãi	(10,424)	(16,135)	(15,183)	(16,937)	(19,064)
Thu nhập lãi thuần	11,387	12,425	14,291	16,677	19,366
Lãi thuần HĐ dịch vụ	2,692	2,279	2,776	3,383	4,058
Lãi thuần HĐ KDNH	410	779	779	779	779
Lãi/lỗ từ mua bán CK	426	856	500	700	700
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0	0	0	0	0
Thu nhập khác	702	(105)	100	300	300
Tổng thu nhập HĐ	15,617	16,234	18,446	21,839	25,203
Chi phí HĐ	(5,945)	(6,699)	(7,552)	(8,617)	(9,853)
LN trước dự phòng	9,672	9,535	10,894	13,222	15,350
Chi phí dự phòng	(1,844)	(3,946)	(3,513)	(3,938)	(4,101)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	7,828	5,589	7,380	9,283	11,249
Chi phí thuế TNDN	(1,566)	(1,126)	(1,476)	(1,857)	(2,250)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	6,262	4,463	5,904	7,426	8,999
EPS (đồng)	2,370	1,689	2,235	2,811	3,406
DPS (đồng)	-	2,083	417	667	667
Slg CP bình quân (triệu đv)	2,642	2,642	2,642	2,642	2,642
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	2,642	2,642	2,642	2,642	2,642
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,642	2,642	2,642	2,642	2,642

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	2,427	2,339	2,716	3,486	4,089
Tiền gửi tại NHNN	11,989	9,212	10,076	12,575	16,564
Tiền gửi tại các TCTD khác	53,365	52,352	54,969	57,718	60,604
Chứng khoán kinh doanh	0	0	0	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh	203	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	159,341	202,678	234,052	271,664	312,805
Tổng dư nợ cho vay	161,175	205,355	238,198	276,295	317,726
Dự phòng rủi ro	(1,834)	(2,677)	(4,146)	(4,632)	(4,921)
Chứng khoán đầu tư	74,377	65,336	73,765	82,945	93,353
CK đầu tư sẵn sàng để bán	74,521	65,392	73,868	83,048	93,455
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	44.7	44.7	44.7	44.7	44.7
Dự phòng rủi ro	(189)	(100)	(147)	(147)	(147)
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	1,205	1,059	1,112	1,167	1,226
Tài sản khác	25,727	23,662	23,662	25,081	28,091
Tổng tài sản	328,634	356,637	400,352	454,637	516,733
Nợ phải trả	296,395	323,894	362,801	411,420	466,278
Tiền gửi của NHNN	433	338	406	487	585
Tiền gửi của các TCTD khác	73,496	83,966	81,915	81,096	80,285
Tổng tiền gửi KH	194,960	208,262	245,749	292,441	345,080
Trái phiếu và CCTG	20,430	24,216	26,638	29,302	32,232
Nợ khác	6,911	6,972	8,017	8,017	8,017
Vốn chủ sở hữu	32,239	32,743	37,551	43,217	50,454
Vốn điều lệ	15,818	22,016	22,016	22,016	22,016
Thặng dư vốn cổ phần	2,561	0	2,561	2,561	2,561
Lợi nhuận giữ lại	11,747	7,674	9,306	13,857	19,745
Quỹ & vốn khác của CSH	2,113	3,052	3,668	4,782	6,132
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	328,634	356,637	400,352	454,637	516,733
BVPS (đồng)	12,203	12,393	14,213	16,358	19,097

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	12.2	8.52	12.3	13.6	13.7
Tăng trưởng cho vay KH (%)	13.3	27.4	16.0	16.0	15.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	39.7	6.82	18.0	19.0	18.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	23.1	7.93	17.2	18.1	17.3
Tăng trưởng VCSH (%)	24.1	1.56	14.7	15.1	16.7
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	14.5	9.12	15.0	16.7	16.1
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	30.1	12.7	12.7	14.1	14.3
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	8.11	(1.42)	14.2	21.4	16.1
Tăng trưởng LNTT (%)	29.6	(28.6)	32.1	25.8	21.2
Tăng trưởng LN thuần (%)	29.6	(28.7)	32.3	25.8	21.2
Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	5.03	4.74	4.87	5.11	5.19
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.91)	(1.96)	(2.00)	(2.02)	(2.03)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	87.3	89.3	91.1	91.7	91.5
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.06	2.12	2.39	2.80	3.20
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	51.8	36.9	48.8	61.4	74.4
Chỉ số định giá					
P/E (lần)	7.28	10.2	7.72	6.14	5.06
P/B (lần)	1.41	1.39	1.21	1.05	0.90
Lợi suất cổ tức (%)	-	12.1	2.42	3.86	3.86

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	40.1	27.5	32.0	34.0	35.7
ROAA (%)	2.02	1.30	1.56	1.74	1.85
ROAE (%)	21.5	13.7	16.8	18.4	19.2
Chi phí huy động BQ (%)	3.78	5.32	4.52	4.47	4.43
Lợi suất góp BQ (%)	8.04	9.34	8.55	8.58	8.65
Lợi suất thuần (%)	4.27	4.01	4.02	4.11	4.22
Tỷ lệ NIM (%)	4.20	4.06	4.14	4.26	4.36
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	17.2	14.0	15.0	15.5	16.1
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	72.9	76.5	77.5	76.4	76.8
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	27.1	23.5	22.5	23.6	23.2
Tỷ lệ CIR (%)	38.1	41.3	40.9	39.5	39.1
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	123	18.6	23.7	19.6
Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	16.6	12.7	12.0	11.3	10.9
VCSH/Tổng TS (%)	9.81	9.18	9.38	9.51	9.76
Đòn bẩy vốn (lần)	10.2	10.9	10.7	10.5	10.2
Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	0.84	2.05	2.00	1.80	1.50
Hệ số LLR (%)	135	63.7	87.1	93.2	103
Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	82.7	98.6	96.9	94.5	92.1
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	25.4	26.5	23.1	20.1	17.5
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	49.0	57.6	59.5	60.8	61.5
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	121	121	121	121	121
Số lượng nhân viên	7,580	7,656	7,732	7,810	7,888

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn